

Bản án số: 19/2022/HS-PT

Ngày: 16/5/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Duy Phương.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tuấn Hưng và ông Vũ Thành Long.

- Thư ký phiên toà: Bà Đào Thị Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên toà: Ông Vũ Đức Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 93/2021/TLPT-HS ngày 01/12/2021, đối với bị cáo Lê Minh Đ1 và đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 70/2021/HS-ST ngày 19/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Lê Minh Đ1**, sinh năm 1963 tại Yên Mỹ, Hưng Yên; nơi cư trú: Thôn H, xã L, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Lao động tự do, nguyên Trưởng thôn H; trình độ học vấn 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn N và bà Trần Thị C; có vợ là Phạm Thị H và có 03 con, con lớn sinh năm 1987, con nhỏ sinh năm 1988; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 17/02/2020 đến ngày 23/6/2020, được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

2. **Trần Quang Đ2**, sinh năm 1954 tại Yên Mỹ, Hưng Yên; nơi cư trú: Thôn H, xã L, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Lao động tự do, nguyên Bí thư thôn H; trình độ học vấn 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H và con bà Nguyễn Thị V (đều đã chết); có vợ là Hoàng Thị N và có 04 con, con lớn sinh năm 1980, con nhỏ sinh năm 1990; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 17/02/2020 đến ngày 23/6/2020, được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

3. **Trương Mạnh H**, sinh năm 1962 tại Yên Mỹ, Hưng Yên; nơi cư trú: Thôn H, xã L, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Hưu trí, nguyên Chủ tịch Hội nông dân xã L; trình độ học vấn 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con Trương Văn N và con bà

Nguyễn Thị T (đều đã chết); có vợ là Trần Thị và có 02 con, con lớn sinh năm 1988, con nhỏ sinh năm 1990; tiền án, tiền sự: Không; hiện đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Minh Đ1, Trần Quang Đ2 và Trương Mạnh H: Luật sư Nguyễn Anh Tuấn - Công ty Luật TNHH Trường Lộc, thuộc Đoàn Luật sư Tp Hà Nội. Địa chỉ: Tầng 7, Tòa nhà Machinco 1, số 10 đường Trần Phú, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, có mặt.

Ngoài ra còn có 08 bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ năm 2006 đến năm 2015, để thực hiện chủ trương xây dựng nông thôn mới tại xã L, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên. Chi bộ Đảng của ba thôn H, L và X đã họp bàn, thống nhất ban hành Nghị quyết chi bộ, giao cho lãnh đạo thôn tìm nguồn từ việc xử lý, giao, đấu thầu đất dài hạn cho các hộ dân lấy kinh phí xây dựng cơ sở vật chất, hạ tầng trong thôn. Diện tích đất mà lãnh đạo 03 thôn đã giao, đấu thầu trái thẩm quyền là 3.929,1m², cho 19 hộ dân, thu được tổng số tiền là 2.865.993.000 đồng.

1. Tại thôn H đã giao, đấu thầu đất dài hạn các diện tích sau:

1.1. Khu Ao Dài.

Năm 2005 sau khi Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Hưng Yên thu hồi diện tích đất nông nghiệp cạnh khu Ao Dài để tổ chức đấu thầu đất giãn dân, còn lại 36m² hệ thống dẫn, tiêu nước khu Ao Dài, một số hộ dân thôn H đã san lấp, lấn chiếm trồng rau. Trần Quang Đ2 là Bí thư chi bộ và Trương Mạnh H là Ủy viên Ban chấp hành (BCH) Đảng bộ xã L, phụ trách Chi bộ thôn H, Lê Minh Đ1 là Trưởng thôn đã tiến hành họp chi bộ ngày 27/8/2006, họp toàn thể nhân dân thôn H ngày 29/8/2006, quần chúng nhân dân thống nhất thành nghị quyết cho tổ chức đấu thầu dài hạn diện tích rãnh tiêu thoát nước khu Ao Dài.

Sau khi có nghị quyết của chi bộ, ban lãnh đạo thôn thông báo cho người dân trong thôn tham gia đấu thầu, giá khởi điểm là 50.000.000 đồng, hộ gia đình ông Trần Văn C sinh năm 1973, vợ là Nguyễn Thị H sinh năm 1975 ở thôn H trúng thầu với số tiền là 85.185.000 đồng. Ngày 29/9/2006 Lê Minh Đ1 đã ký hợp đồng khoán thả rau bèo với ông Trần Văn C, ông C đã nộp đủ 85.185.000 đồng cho Lê Minh Đ1, ban lãnh đạo thôn không nộp vào ngân sách Nhà nước, mà giữ lại sử dụng hết vào việc xây dựng các công trình phúc lợi trong thôn.

Sau khi mua ông C đã xây lán, năm 2010 đã chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn Hải, ông Hải chuyển nhượng lại cho gia đình ông Trần Văn Quang, ông Quang chuyển nhượng lại cho bà Trần Thị Yên ông Nguyễn Văn Hùng.

1.2. Khu ao Mẫu Tư.

Ban khánh tiết đền Thiên Đế có đơn đề nghị lãnh đạo thôn H giao cho các cụ trong đền, chùa được quản lý toàn bộ diện tích ao Mẫu Tư để tăng gia sản xuất có thêm nguồn thu để chi phí hương nhang đền, chùa. Lê Minh Đ1, Trần Quang Đ2 và Trương Mạnh H tổ chức các cuộc họp quân dân chính đảng, họp chi bộ, họp quần chúng nhân dân thống nhất thành nghị quyết giao cho các cụ trong đền Thiên Đế đứng ra tổ chức đấu thầu một phần diện tích ao Mẫu Tư với thời hạn 5 năm, diện tích đưa ra đấu thầu gồm 05 suất, mỗi suất có diện tích khoảng 90m², với giá sàn là 1.800.000 đồng/1m². Được sự đồng thuận của lãnh đạo thôn, các cụ trong đền thông báo công khai trên loa phát thanh của đền cho các hộ dân trong thôn biết để tham gia đăng ký đấu thầu. Để việc thu chi tiền đấu thầu đất đảm bảo khách quan, minh bạch Lê Minh Đ1 đã nhờ bà Trần Thị V và bà Nguyễn Thị Ngải làm kế toán và thủ quỹ thực hiện việc thu tiền đặt cọc và tiền trúng thầu. Các hộ trúng thầu gồm: ông Lê Văn Trường, Trần Văn Lục, Trần Văn Thơm, Trần Văn Quang và bà Đặng Thị Băng đều ở thôn H, xã L. Tổng số tiền các hộ phải nộp là 1.058.928.000 đồng, hộ bà Đặng Thị Băng được thôn ưu tiên mua một suất bằng giá sàn và được hỗ trợ tiền cây cối, công vượt lập 50.000.000 đồng nên tổng số tiền thu được là 1.008.928.000 đồng, số tiền thu được đã sử dụng thuê san lấp một phần ao, làm đình làng hết 187.209.000 đồng, chi 200.000.000 đồng cho các cụ trong thôn xây chùa H, còn lại 621.719.000 đồng, lãnh đạo thôn giao cho bà Trần Thị V gửi vào quỹ tín dụng nhân dân xã L. Đến ngày 09/12/2011 bà V rút toàn bộ tiền gốc và lãi là 690.622.000 đồng để thôn sử dụng xây dựng cơ sở vật chất, hạ tầng trong thôn.

Các hộ sau khi trúng thầu, đã thay đổi hiện trạng, chuyển nhượng cho người khác.

1.3. Khu Đồng Mía

Vào khoảng năm 1980 - 1982, Hợp tác xã giao cho một số lao động trong thôn nhận khoảng 5-7m² diện tích ao, thúng vũng thuộc quỹ đất do UBND xã quản lý để thả rau bèo. Quá trình sử dụng các hộ dân đã tự ý thay đổi hiện trạng, chuyển nhượng cho nhau. Đến năm 2013, Trần Quang Đ2, Lê Minh Đ1, Trần Ngọc M, Trương Mạnh H tiến hành các cuộc họp quân dân chính đảng, chi bộ thôn, quần chúng nhân dân thống nhất thành nghị quyết thu tiền của một số hộ dân đang sử dụng diện tích tại khu Đồng Mía để lấy kinh phí xây dựng nông thôn mới, dưới hình thức cho hợp đồng trồng cây lâu năm, thời hạn 5 năm và giao cho Ban phát triển thôn H do Lê Minh Đ1 làm trưởng ban, Trần Quang Đ2 làm phó ban thực hiện. Sau đó Lê Minh Đ1 mời các hộ dân đã xây dựng nhà ở, hàng quán kiên cố trên diện tích đất khu Đồng Mía gồm: ông Chu Quang Tiệp, Đỗ Tấn Anh, Đỗ Văn Phương, Nguyễn Văn Phú, Lê Văn Hạnh, bà Nguyễn Thị Vang, Trần Thị Minh, Chu Tuấn Anh, Hoàng Khắc Định đến nhà Đ1, các hộ đều muốn tiếp tục sử dụng lâu dài nên đồng ý nộp 800.000 đồng/01m². Bà Trần Thị V, ông Trần Quang Bái làm kế toán, thủ quỹ thu và quản lý tiền của các hộ dân. Khi các hộ dân nộp tiền, Lê Minh Đ1 ký tên vào mục thủ trưởng đơn vị của phiếu thu, nội dung thu “Hợp đồng cho trồng cây Đồng Mía thời hạn 5 năm” và

giao lại cho các hộ dân. Diện tích thu tiền là 923,2m², số tiền thu được là 666.880.000 đồng, một số hộ còn nợ với số tiền là 73.040.000 đồng, cộng với số tiền 5.154.000 đồng còn lại từ việc đấu thầu khu Mẫu Tư, tổng cộng là 672.034.000 đồng, lãnh đạo thôn quản lý để xây dựng hạ tầng cơ sở cho thôn.

1.4. Khu Ngõ Cả.

Do nhà mẫu giáo của thôn đã xuống cấp, không đáp ứng tiêu chí nông thôn mới, ban lãnh đạo thôn xác định còn 245m² đất ở thung Cồng Cả là diện tích chưa bị lấn chiếm. Lê Minh Đ1 chủ trì họp ban quân dân chính đảng để họp bàn, thống nhất trong ban, Trần Quang Đ2 họp chi bộ thống nhất thành nghị quyết và giao ban phát triển nông thôn. Lê Minh Đ1 chủ trì họp dân đưa nội dung cho đấu thầu diện tích 245m² thung Cồng Cả, thời hạn là 05, mục đích là để thả rau bèo, giá khởi điểm là 150.000.000 đồng. Sau nhiều lần thông báo, nhưng không có người đăng ký đấu thầu, khoảng tháng 3/2015 vợ chồng ông Nguyễn Văn Bằng, bà Bùi Thị Hồng ở thôn Hà Hồi, xã Hà Hồi, huyện Thường Tín, thành Phố Hà Nội đến nhà Lê Minh Đ1 liên hệ mua để chỉnh trang khu mộ của gia đình tại khu vực thung Cồng Cả. Ngày 08/3/2015, tại nhà ở của mình Lê Minh Đ1 cùng Trần Quang Đ2 đã tiến hành lập, ký hợp đồng khoán thả rau bèo thung Cồng Cả, thời hạn 05 năm với giá trị hợp đồng là 150.000.000 đồng và nhận tiền của ông bà Bằng, Hồng, sau đó tiến hành cắm mốc giới và bàn giao diện tích đất tại thực địa cho ông bà Bằng, Hồng. Số tiền thu được thôn đã sử dụng vào mục đích xây dựng nhà mẫu giáo mới.

Sau khi được bàn giao đất, ông Bằng tiến hành san lấp, xây tường bao và trồng cây. Đến ngày 12/3/2020, UBND xã L ra thông báo về việc chấm dứt hợp đồng khoán thả rau bèo thung Cồng Cả với hộ ông Bằng bà Hồng.

1.5. Nhà Mẫu giáo cũ thôn H.

Do chưa đủ kinh phí để xây dựng nhà mẫu giáo mới của thôn, Lê Minh Đ1 và Trần Quang Đ2 đã tiếp tục tiến hành họp thống nhất trong ban lãnh đạo thôn, ban chi ủy chi bộ, ban phát triển thôn H để tìm nguồn kinh phí xây dựng nhà mẫu giáo mới từ nguồn cho thanh lý nhà đất mẫu giáo cũ, sau khi được ban Lãnh đạo, ban chi ủy thống nhất, Lê Minh Đ1 tiến hành họp quân dân chính đảng, Ban phát triển thôn H lấy ý kiến thống nhất thành nghị quyết. Ngày 07/8/2015, Trần Quang Đ2 chủ trì họp chi bộ thống nhất thành nghị quyết chi bộ cho thanh lý nhà đất mẫu giáo cũ của thôn để lấy kinh phí xây dựng nhà mẫu giáo mới tại vị trí mới theo quy hoạch từ khi dồn thửa đổi ruộng năm 2003 và giao ban lãnh đạo thôn, Ban phát triển thôn H thực hiện. Ngày 12/8/2015 Lê Minh Đ1 tổ chức họp nhân dân trong thôn và thống nhất cho đấu thầu, giá khởi điểm là 250.000.000 đồng, do chỉ có Nguyễn Ngọc Toan, sinh năm 1980 là người thôn H đăng ký, nên ban phát triển đã thống nhất thanh lý cho anh Toan với giá 250.000.000 đồng, Lê Minh Đ1 tiến hành lập và giao bản gốc giấy thanh lý cho anh Toan, ngày 01/9/2015 anh Toan giao nộp đủ 250.000.000 đồng. Tháng 8/2016 anh Toan chuyển nhượng lại cho anh Nguyễn Văn Trường.

Thực hiện kết luận của thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên, UBND xã L ban hành quyết định số 65/QĐ-UBND về việc hủy kết quả đấu thầu đất nhà mẫu giáo thôn H, yêu cầu Ban lãnh đạo thôn H trả lại số tiền 250.000.000 đồng. Ban lãnh đạo thôn đã tiến hành làm việc với anh Trường nhưng không có kinh phí trả anh Trường, tháng 3/2019 anh Trường đã chuyển nhượng lại cho bà Nguyễn Thị Tuyền, sinh năm 1961 ở xã Đắc Di Ấng, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai, bà Tuyền cho con trai làm nhà ở từ thời gian đó cho đến nay.

2. Ngoài ra còn có các vi phạm tương tự tại thôn L, thôn X; vi phạm về quản lý của các cá nhân thuộc UBND xã L đối với các bị cáo khác (không có kháng cáo, không bị kháng nghị).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 70/2021/HSST ngày 19/10/2021, Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ đã quyết định:

Áp dụng: Điểm b, khoản 2, 5 Điều 357, khoản 3 Điều 7; Điều 17, 58, 38; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự 2015 đối với các bị cáo Lê Minh Đ1, Trần Quang Đ2 và Trương Mạnh H; áp dụng thêm điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Lê Minh Đ1 và Trần Quang Đ2; thêm điểm v, x khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với Trương Mạnh H.

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Minh Đ1, Trần Quang Đ2 và Trương Mạnh H phạm tội “Lạm quyền trong khi thi hành công vụ”.

Xử phạt: Các bị cáo Lê Minh Đ1, Trần Quang Đ2 và Trương Mạnh H mỗi bị cáo 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt các bị cáo đi chấp hành án; các bị cáo Lê Minh Đ1, Trần Quang Đ2 được trừ thời gian tạm giam từ ngày 17/02/2020 đến ngày 23/6/2020.

Ngoài ra, bản án còn quyết định xử phạt 08 bị cáo khác về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” và tội “Lạm quyền trong khi thi hành công vụ”, xử phạt các bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng nhưng cho hưởng án treo; quyết định về hình phạt bổ sung, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 26, 28, 29/10/2021 các bị cáo Trương Mạnh H, Trần Quang Đ2 và Lê Minh Đ1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được cải tạo tại địa phương.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Cả ba bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối hận, các bị cáo cho rằng bị cáo không có tư lợi, số tiền cho thuê đất đều được sử dụng vào các công trình phúc lợi của thôn, do hiểu biết pháp luật còn hạn chế xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên phát biểu quan điểm:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Lê Minh Đ1 và Trần Quang Đ2 về tội “Lạm quyền trong khi thi hành công vụ” là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đối với Trương Mạnh H cần xác định lại tội danh là “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” mới phù hợp với các hành vi mà bị cáo đã thực hiện.

Sau khi phân tích hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm b khoản 1, 2 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Giảm cho bị cáo Lê Minh Đ1 và Trần Quang Đ2 từ 03 tháng đến 06 tháng tù so với mức án của bản án sơ thẩm đã tuyên; đề nghị chuyển tội danh đối với bị cáo Trương Mạnh H sang tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” và áp dụng mức hình phạt từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xem xét.

Người bào chữa cho các bị cáo đồng quan điểm với Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và cho bị cáo H hưởng án treo.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xin hưởng mức án thấp nhất, bị cáo H xin hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo Lê Minh Đ1, Trần Quang Đ2 và Trương Mạnh H được làm trong thời hạn do pháp luật quy định là hợp pháp, được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về tội danh: Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp khách quan với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của các bị cáo khác trong vụ án, lời khai các thành viên trong Ban phát triển nông thôn mới, của những người liên quan là những người trực tiếp thuê thầu, nhận đất và lời khai của những người làm chứng, các Kết luận thanh tra, Kết luận định giá tài sản, Kết luận giám định, các sở nghị quyết chi bộ, biên bản họp chi bộ của thôn, các biên bản họp quân dân chính đảng, biên bản họp dân, các hợp đồng giao thầu, biên bản giao đất, phiếu thu tiền, giấy biên nhận cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở để kết luận: Từ năm 2006 đến năm 2015, tại thôn H, chi bộ thôn đã họp và ra nghị quyết cho đấu thầu 36m² đất khu Ao Dài, 450m² đất ao Mẫu Tư, 923,2m² khu Đồng Mía, 245m² đất ao Ngõ Cả và đấu thầu Nhà mẫu giáo của thôn, tổng diện tích là 1.743,1m², trị giá tại thời điểm giao đất là 787.954.500 đồng. Các cá nhân, hộ gia đình sau khi trúng thầu đã xây dựng công trình kiên cố, sử dụng sai mục đích, chuyển nhượng cho nhiều người khác nhau, xâm phạm đến quyền quản lý đất đai của cơ quan có thẩm quyền, kế hoạch sử dụng đất đai của địa phương, làm cho một bộ phận người dân mất lòng tin vào chính quyền, có đơn thư khiếu nại tố cáo vượt cấp, gây mất an ninh trật tự tại địa phương.

[2.1] Đối với bị cáo Lê Minh Đ1 và bị cáo Trần Quang Đ2:

Các bị cáo thực hiện hành vi cho đấu thầu và giao khoán đất công, mà bản chất là giao đất có thu tiền, đây là việc làm vượt quá thẩm quyền của chi bộ và của thôn, việc Bí thư chi bộ và Trưởng thôn H họp ra nghị quyết và tổ chức đấu thầu đất là vượt quá quyền hạn, chức trách nhiệm vụ được giao. Ngoài ra các bị cáo còn trực tiếp ký kết các văn bản giao đất, các giấy biên nhận tiền đối với người nhận đất, do đó, các bị cáo Lê Minh Đ1 và Trần Quang Đ2 đã phạm tội “Lạm quyền trong khi thi hành công vụ” và phải chịu trách nhiệm đối với 05 lần giao đất, đấu thầu đất trái thẩm quyền là 1.734,1m². Bản án sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo về tội “Lạm quyền trong khi thi hành công vụ” là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bộ luật hình sự 1999 không quy định về định lượng của mức độ nghiêm trọng đối với loại tội phạm này, nên cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết định khung “phạm tội nhiều lần” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 282 của Bộ luật hình sự 1999 là đúng. Đến thời điểm xét xử, tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật hình sự 2015 quy định hình phạt nhẹ hơn, có lợi cho người phạm tội, nên được áp dụng để xử lý đối với các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội trước ngày Bộ luật hình sự 2015 có hiệu lực thi hành (01/01/2018), theo quy định tại khoản 3 Điều 7 của Bộ luật hình sự 2015.

[2.2] Đối với bị cáo Trương Mạnh H:

Bị cáo là Đảng ủy viên, Chủ tịch Hội nông dân xã, phụ trách giám sát hoạt động Chi bộ số 2 thôn H trong việc thực hiện chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, bị cáo có tham gia họp chi bộ, họp thôn 03 lần cùng với các bị cáo Lê Minh Đ1 và Trần Quang Đ2 trong giai đoạn năm 2006-2013. Với chức năng nhiệm vụ được giao, bị cáo đã không làm hết trách nhiệm, không ngăn chặn, không báo cáo về các sai phạm của thôn với cấp có thẩm quyền để xử lý kịp thời, dẫn đến tình trạng để chi bộ và thôn H giao đất trái thẩm quyền trong thời gian dài. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo quy định tại khoản 1 Điều 285 của Bộ luật hình sự 1999.

Bản án sơ thẩm xác định bị cáo Trương Mạnh H đồng phạm với các bị cáo Lê Minh Đ1 và Trần Quang Đ2 về tội “Lạm quyền trong khi thi hành công vụ” là chưa phù hợp, bởi lẽ bị cáo không có chức vụ, quyền hạn trực tiếp tại cơ sở thôn, không có quyền quyết định các công việc nội bộ của thôn, của chi bộ, việc bị cáo có mặt hay không có mặt thì bị cáo Đ1 và Đ2 vẫn tiến hành họp thôn, họp chi bộ 05 lần để ra nghị quyết về giao đất, đấu thầu đất trái thẩm quyền, mặt khác bị cáo H không thực hiện các hành vi ký kết các văn bản liên quan đến việc giao đất, thu tiền, không tổ chức phiên họp, tổ chức đấu thầu giao đất và không có hành vi xúi giục, giúp sức cho các bị cáo Đ1 và Đ2, do đó cần phải chuyển tội danh của bị cáo để phù hợp với hành vi khách quan mà bị cáo đã thực hiện, đồng thời bảo đảm tính công bằng giữa các bị cáo trong cùng vụ án.

Xét thấy tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” là loại tội phạm có khung hình phạt nhẹ hơn so với tội “Lạm quyền trong khi thi hành công vụ”, nên cấp phúc thẩm sẽ áp dụng điểm b khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự để sửa bản án sơ thẩm phù hợp với hành vi mà bị cáo đã thực

hiện. Đối với tội này, cả hai Bộ luật hình sự 1999 và 2015 đều có mức án ngang nhau, do đó, cần phải áp dụng khoản 1 Điều 285 của Bộ luật hình sự 1999 để xét xử bị cáo đảm bảo tính hiệu lực về thời gian của pháp luật.

[3]. Xét kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[3.1] Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá cơ bản đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo; xác định các bị cáo đều không vì động cơ vụ lợi hoặc động cơ cá nhân khác, mà chỉ vì muốn đổi mới, dám đột phá vì sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của địa phương và áp dụng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo Lê Minh Đ1 và Trần Quang Đ2 là phù hợp, tuy nhiên tại hồ sơ vụ án thể hiện các bị cáo còn có một số tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhưng cấp sơ thẩm không nhận định trong bản án là thiếu sót, như: Bị cáo Đ2 có 05 Huân, Huy chương các loại; bị cáo Đ1 có bố được tặng thưởng Huân chương, cấp phúc thẩm sẽ đánh giá bổ sung các tình tiết giảm nhẹ này để đảm bảo quyền lợi của các bị cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo còn giao nộp thêm các tài liệu là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới, như:

Bị cáo Đ1 có Kỷ niệm chương Cự chiến binh, có công phụng dưỡng vợ Liệt sỹ, có bố đẻ và anh trai là thương binh, bản thân bị cáo có 07 Giấy khen. Vì vậy, bị cáo được hưởng thêm 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015.

Bị cáo Đ2 là bệnh binh (tổn hại sức khỏe 61%), có thành tích xuất sắc trong chiến đấu (điểm v, x); 03 Giấy khen. Vì vậy, bị cáo được hưởng thêm 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015.

Bị cáo H thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải (điểm s); bị cáo được đông đảo quần chúng nhân dân thôn H có đơn xin giảm nhẹ hình phạt. Vì vậy, bị cáo được hưởng thêm 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015.

[3.2] Xét kháng cáo của các bị cáo là có căn cứ, các bị cáo đều có thêm tình tiết giảm nhẹ mới, bị cáo H được xác định tội danh mới nhẹ hơn nên cấp phúc thẩm sẽ sửa bản án sơ thẩm cho phù hợp với hành vi, tính chất mức độ, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo.

Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội hai lần trở lên, do đó cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục các bị cáo, đồng thời đáp ứng yêu cầu phòng ngừa tội phạm chung. Yêu cầu kháng cáo của các bị cáo xin được cải tạo tại địa phương không được chấp nhận, do không đảm bảo điều kiện quy định tại khoản 5 Điều 3 Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Việc xét xử các bị cáo ở dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là cũng đã thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với các bị cáo.

[3.3] Ý kiến của Kiểm sát viên và người bào chữa tại phiên tòa về nội dung giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4]. Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên có nhận được đơn kháng cáo, đơn khiếu nại của một số cá nhân (4 người) ở thôn H, xã L, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên yêu cầu xử lý thêm hành vi vi phạm đối với bị cáo Đỗ Xuân Sang. Xét thấy những người này không có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 331 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những yêu cầu này không thuộc thẩm quyền giải quyết của Hội đồng xét xử nên không xem xét.

[5]. Các bị cáo kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí phúc thẩm hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 343; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355 và điểm b, c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Minh Đ1, Trần Quang Đ2 và Trương Mạnh H. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 70/2021/HS-ST ngày 19/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, như sau:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Lê Minh Đ1 và Trần Quang Đ2 phạm tội “Lạm quyền trong khi thi hành công vụ”; bị cáo Trương Mạnh H (tên khác: Hưng) phạm tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng: Điểm b, khoản 2, khoản 5 Điều 357; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 7; các Điều 17; 58; 38; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự 2015. Xử phạt: Bị cáo Lê Minh Đ1 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 17/02/2020 đến ngày 23/6/2020.

Áp dụng: Điểm b, khoản 2, khoản 5 Điều 357; điểm b, o, s, v, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 7; các Điều 17; 58; 38; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự 2015. Xử phạt: Bị cáo Trần Quang Đ2 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 17/02/2020 đến ngày 23/6/2020.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 285 của Bộ luật hình sự 1999; điểm b, s, v, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 7; các Điều 17; 58; 38 của Bộ luật hình

sự 2015. Xử phạt: Bị cáo Trương Mạnh H (tên khác: Hưng) 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

3 Về hình phạt bổ sung: Cấm các bị cáo Lê Minh Đ1, Trần Quang Đ2 và Trương Mạnh H đảm nhiệm chức vụ trong thời hạn 01 năm kể từ khi các bị cáo chấp hành xong hình phạt chính. Miễn áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo Đ1 và Đ2.

4. Án phí: Các bị cáo Lê Minh Đ1, Trần Quang Đ2 và Trương Mạnh H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Phòng PC10-CA tỉnh Hưng Yên;
- TA(3b), VKS, CA huyện Yên Mỹ;
- Các bị cáo;
- Luật sư;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa HC; VP./.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Duy Phụng